Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và giá trị thực tiễn trong giai đoạn hiện nay

NGUYỄN ĐƯỜNG

Con người vừa tồn tại với tư cách chủ thể là cá nhân, vừa là thành viên của gia đình và cộng đồng, có cuộc sống chung của cá nhân và cộng đồng hài hòa, phong phú. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói về con người*: "Con người nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người". Người nhìn nhận con người với quan điểm biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác là "bản chất con người là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội".*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *"Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa"*. Quan điểm, tư tưởng về con người và xây dựng con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong quá trình xây dựng và phát triển con người, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới.

Từ đó, tư tưởng con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong một số vấn đề cơ bản sau:

- Con người là mục tiêu và là động lực của cách mạng.

Cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng là để giải phóng con người, phục vụ Nhân dân. Quần chúng Nhân dân là lực lượng và là động lực của cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Trong sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định việc giành thắng lợi được hay không là do chính bản thân con người thực hiện. *"Dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn. Đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi đất nước bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn và nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"*. Vì vậy, trong sự nghiệp cách mạng cần dựa vào dân, lấy dân làm gốc để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Trong công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ngày nay thì muốn tiến lên xã hội chủ nghĩa chúng ta phải bước qua thời kỳ quá độ. Mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, tính

cho cùng là đều hướng đến con người, đến độc lập cho Tổ quốc, tự do cho con người. C. Mác từng nói *"... Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"*. Xác định mục tiêu và động lực phát triển xã hội là phải phát huy, huy động mọi nguồn lực để xây dựng, phát triển kinh tế xã hội thông qua con người. Vì con người là trái tim, là trung tâm của mọi hoạt động.

- Xây dựng, phát triển con người là chiến lược hàng đầu.

Con người là chủ thể sáng tạo ra lịch sử, là mục tiêu, động lực của sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhận thức đúng vị trí và vai trò của con người trong quá trình hiện nay có ý nghĩa vô cùng to lớn về lý luận lẫn thực tiễn. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định *"vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người"*.

Hơn ba mươi năm bôn ba nơi đất khách quê người, đi qua hầu hết mọi vùng lãnh thổ, nếm trải mọi khó khăn, cực khổ của con người, cho đến khi về nước và lãnh đạo đất nước giành thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 với mục đích cao cả là giải phóng con người, giải phóng dân tộc, khai quốc dân trí. Sau khi giành được chính quyền, xác định dân trí còn thấp, Người đã phát động phong trào *"bình dân học vụ", người biết dạy người chưa biết, người biết nhiều dạy người biết ít"* để xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí, song song với đó là gửi những người con ưu tú ra nước ngoài bồi dưỡng, đào tạo nhằm phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp cách mạng và nuôi dưỡng cho thế hệ mai sau. Chính những lực lượng này về sau là những nhà lãnh đạo ưu tú, đầy sáng tạo để đưa con thuyền cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Con người trong xã hội khi sinh ra không thể là con người xã hội chủ nghĩa ngay được mà để trở thành con người với tất cả năng lực thể chất và tinh thần, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, thì phải được đào tạo một cách chủ động, có kế hoạch. *"Trong việc giáo dục và học tập, phải chú trọng đủ các mặt: Đạo đức, cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa kỹ thuật, lao động và sản xuất"*. Giáo dục phải toàn diện, cả đức lẫn tài, trí tuệ, văn thể mỹ, đạo đức và lý tưởng cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu. Hai mặt đức và tài thống nhất biện chứng với nhau, không tách rời nhau, trong đó đức là gốc, là nền tảng cho tài năng phát triển. Phải kết hợp giữa lời nói đi đôi với việc làm, có như vậy sự nghiệp làm người mới thành người.

- Con người là vốn quý nhất và là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có một niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh, ý chí và lòng đấu tranh không biết mệt mỏi của quần chúng nhân dân, Người khẳng định con người là nhân tố quyết định đến thắng lợi của các cuộc cách mạng. Sự nghiệp đấu tranh, giải phóng con người chỉ có thể thực hiện được bằng chính sự nỗ lực, quyết tâm đoàn kết của nhân dân. Dù là đấu tranh, kháng chiến kiến quốc hay là xây dựng chủ nghĩa xã hội thì con người vẫn là trung tâm của cách

mạng. Phải lấy dân làm gốc, phát huy sức mạnh của Nhân dân *"vô luận việc gì, đều cũng do con người làm ra, từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả, dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong"*. Hay để phát huy thế hệ trẻ Người từng nói: *"Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên"*.

Người có một niềm tin sắt đá vào ý chí, sức mạnh của quần chúng nhân dân, của con người:

"Không có việc gì khó,
chỉ sợ lòng không bền,
đào núi và lấp biển,
Quyết chí cũng làm nên".

Con người, quần chúng nhân dân có thể giải quyết mọi công việc dù khó khăn, gian khổ đến chừng nào. Trí tuệ và tính sáng tạo của nhân dân là vô cùng to lớn, vì vậy xây dựng được khối đại đoàn kết, phát huy sức mạnh của nhân dân là yếu tố tiên quyết cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ cách mạng nước ta.

Thấm nhuần tư tưởng của Người, phát huy hơn nữa giá trị về mặt lý luận và thực tiễn mà tư tưởng Hồ Chí Minh để lại, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo trong tình hình hiện nay để xây dựng phát triển con người mới, con người xã hội chủ nghĩa.

Xã hội ta là một xã hội vì con người, coi con người luôn giữ vị thế trung tâm của phát triển kinh tế, xã hội. Con người trước hết là tiềm năng và sức mạnh trí tuệ, tinh thần đạo đức là nhân tố quyết định và là vốn quý nhất của chúng ta trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội… đồng thời xem *"phát triển giáo dục đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững"* (trích Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX).

Tiếp đến, hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X xác định: *Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo toàn diện, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xác định và lấy con người làm trung tâm, giáo dục là quốc sách hàng đầu, có ý nghĩa sống còn trong công cuộc hiện nay. Giáo dục đào tạo một cách toàn diện, sâu sắc cả đức lẫn tài, nâng tầm chất lượng con người hiện nay ngang tầm khu vực, tiến tới tiệm cận với châu lục và thế giới*. Thay đổi phương pháp, cách thức và tư duy đào tạo để xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh và thuận lợi, đào tạo nên những con người mới, con người xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng con người tại Đại hội XI tiếp tục được khẳng định: *"Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân... chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính"*.

N.Đ

HƯỚNG ĐI CỦA "TỦ SÁCH PHÁP LUẬT" TRONG BỐI CẢNH ĐIỆN TỬ HÓA

NGUYỄN THỊ ĐÀO

Trong bối cảnh điện tử hóa, mạng Internet trở nên phổ biến, có nhiều đánh giá khác nhau về hiệu quả của Tủ sách pháp luật. Theo đó, nhiều người cho rằng, Tủ sách pháp luật giờ đây không còn cần thiết nhưng cũng không ít người vẫn tin tưởng vào vai trò của Tủ sách pháp luật đối với cán bộ, Nhân dân.

1. Bị mạng Internet "lấn át"

Phỏng vấn một số cán bộ về hiệu quả của Tủ sách pháp luật, phần lớn đều ngại ngần "từ ngày có internet, mọi người ít cần đến sách". Đó là thực tế của không ít cơ quan, đơn vị hiện nay. Nhiều nơi, Tủ sách pháp luật rơi vào tình trạng "bỏ mặc", hầu như chẳng ai tìm đến để đọc. Sự thuận lợi trong việc tra cứu, tìm kiếm thông tin từ mạng internet đã thu hút một lượng lớn người sử dụng. Trong đợt kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2013 của tỉnh Thừa Thiên Huế, cán bộ lãnh đạo cấp phòng của một cơ quan đã phát biểu: Sử dụng tài liệu từ mạng internet rất thuận lợi, muốn xem trang nào đến ngay trang đó, muốn tìm thông tin gì trong văn bản "seach" có ngay… Đó là một trong những lý do quan trọng thu hút mất độc giả "truyền thống" của Tủ sách pháp luật.

Quan sát các Tủ sách pháp luật, chất lượng quản lý rõ ràng chưa đáp ứng yêu cầu. Theo thống kê, các Tủ sách có từ 200-300 đầu sách. Trong đó, ở cấp tỉnh và huyện, sách chủ yếu là các văn bản quy phạm pháp luật nhưng không đầy đủ, ở cấp xã, gần 60% là sách hỏi – đáp do cơ quan cấp trên cấp phát miễn phí, một số sách văn bản quy phạm pháp luật và công báo… Trong công tác quản lý, việc mở sổ sách theo dõi mượn, trả thực hiện chưa nghiêm túc, nhiều đơn vị chưa lập sổ. Từ đó, dẫn đến tình trạng "có mượn không có trả" làm thất thoát nguồn tài liệu của Tủ sách vốn đã không được phong phú. Mô hình luân chuyển tài liệu giữa Tủ sách pháp luật của xã với Bộ đội biên phòng, Bưu điện xã cũng dần "chết yểu" do thiếu nguồn tài liệu và không có người phụ trách.

Từ những hạn chế trong công tác quản lý và sự mở rộng của mạng Internet đã dần lấn át vai trò, làm mờ nhạt ý nghĩa của "Tủ sách pháp luật". Đã đến lúc cần xem xét lại một cách toàn diện, xác định đúng vai trò, ý nghĩa, đối tượng và phạm vi phục vụ của Tủ sách pháp luật vì vẫn còn nhiều người, nhiều nơi "thật sự rất cần tài liệu pháp luật bằng sách".

2. Xác định đúng vai trò của Tủ sách pháp luật

"Tủ sách pháp luật vẫn rất cần đối với cán bộ, nhân dân". Đó là khẳng định của đại diện nhiều ngành, địa phương. Mạng internet thật sự mang lại nhiều thuận tiện trong việc tra cứu văn bản. Tuy nhiên, để phục vụ cho công tác nghiên cứu hoặc hội họp thì phải có các tài liệu bằng sách, tài liệu công báo (tài liệu gốc). Mặt khác, có thể nói rằng, hệ thống mạng internet hiện nay hầu như đã được phổ cập nhưng thực tế có những địa phương, nhất là ở vùng sâu, vùng xa hệ thống mạng vẫn chưa bảo đảm chất lượng, vấn đề này cũng xảy ra đối với cả khu vực thành phố. Hoặc như phát biểu của một đồng chí Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện, thì "Bác nông dân vốn tay cày tay cuốc thì làm sao biết đến máy vi tính với mạng internet". Vậy thì, vấn đề đặt ra là phải cân bằng giữa hai hình thức khai thác tài liệu nhằm phục vụ công tác có hiệu quả nhất. Riêng đối với mô hình Tủ sách pháp luật, cần xác định lại vai trò, phạm vi đối tượng phục vụ để xây dựng, quản lý đúng hướng. Dưới đây là một số giải pháp nhằm khắc phục hạn chế cũng như thu hút bạn đọc:

Thứ nhất, Tủ sách phục vụ cho cán bộ, công chức thuộc cơ quan, đơn vị thì nội dung tài liệu trang bị phải hết sức đầy đủ và hệ thống. Trước hết, đó là hệ thống các tài liệu văn bản quy phạm pháp luật, gồm Hiến pháp, Bộ luật, các luật, pháp lệnh; các tài liệu hệ thống văn bản từng ngành, lĩnh vực. Văn bản sắp xếp đang có hiệu lực, đã hết hiệu lực qua các năm. Mục đích nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, so sánh nội dung giữa các văn bản. Chị D, là cán bộ một cơ quan, đã từng bức xúc, bản thân chị được phân công việc xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Hiến pháp năm 1992, sau đó là góp ý dự thảo Hiến pháp sửa đổi, cần rất nhiều tài liệu là các văn bản quy phạm, đặc biệt là các luật tổ chức bộ máy nhà nước và chính quyền địa phương để nghiên cứu. Tuy nhiên, khi hỏi mượn Tủ sách pháp luật thì không có đầy đủ các văn bản này.

Thứ hai, loại tài liệu tiếp theo rất cần thiết nhưng ít khi tìm thấy ở các tủ sách pháp luật và thực tế cũng rất khó tìm kiếm ở mạng internet, đó là các sách bình luận, nghiên cứu các bộ luật (hình sự, dân sự, tố tụng), từ điển tiếng Việt và từ điển pháp luật. Anh M,. cũng từng rơi vào trường hợp tương tự chị D,. khi nghiên cứu và cần hiểu rõ thuật ngữ pháp lý, qua nhiều ngày tra cứu trên mạng internet cũng có giải thích nhưng đó là tài liệu không chính thống, không thể sử dụng chính thức, nhưng tìm từ điển trong Tủ sách pháp luật thì không có.

Thứ ba, trong công tác quản lý, có thể xác định đối tượng cán bộ, công chức, viên chức chủ yếu là mượn tài liệu để nghiên cứu, ít khi ngồi đọc tại chỗ. Do đó, nên chú trọng quản lý khâu mượn trả, tránh thất thoát tài liệu.

Thứ tư, đối với Tủ sách pháp luật cho Nhân dân, nội dung tài liệu có thể là sách hỏi-đáp, tình huống,… được trang bị như hiện nay. Tuy nhiên, vấn đề lâu nay cần giải quyết là vị trí đặt Tủ sách pháp luật. Đặt ở đâu để thuận lợi cho người dân trong việc mượn trả nhưng cũng đảm bảo công tác quản lý khi mà biên chế chuyên trách cho nhiệm vụ này không có. Nhìn lại trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, có 02 xã thuộc huyện Phong Điền có mô hình Tủ sách pháp luật ở thôn, được đánh giá hoạt động hiệu quả, đó là thôn Kế Môn (xã Điền Môn) và thôn Cổ bi (xã Phong Sơn). Mô hình này do người dân tự ý thức lập nên để phục vụ Nhân dân ở thôn, do đó có sự quản lý và đầu tư tốt. Đó là những điển hình nhưng lại khó nhân rộng nếu chỉ bằng nguồn lực của Nhà nước do không đủ kinh phí, con người để quản lý. Có thể nói, giải pháp trước mắt, vẫn là đặt Tủ sách pháp luật tại khu vực "Một cửa", nơi người dân đến giao dịch, nộp hồ sơ và nhận lại kết quả.

Thứ năm, trong khâu bổ sung đầu sách, có thể lấy ý kiến của người đọc về những tài liệu cần sử dụng để nghiên cứu, xem xét thêm nhằm phục vụ đúng nhu cầu người đọc.

Một vấn đề nữa, đó là hiện nay chúng ta đang xây dựng mô hình Tủ sách pháp luật điện tử. Việc thực hiện vẫn đang trong lộ trình. Tuy nhiên, trước mắt có thể áp dụng một phần công nghệ này vào quản lý và khai thác Tủ sách pháp luật. Các cơ quan, địa phương đều có Trang thông tin điện tử, để thuận lợi cho người mượn và người quản lý, tiết kiệm thời gian trong khâu tìm kiếm, hàng tháng cần cập nhật danh mục tài liệu hiện có trong tủ sách lên Trang thông tin điện tử để người có nhu cầu có thể tra cứu và mượn (Danh mục này bao gồm sách của Tủ sách pháp luật, tài liệu đang được mượn, người mượn, thời gian mượn và dự kiến thời gian trả). Ngoài ra, việc hoàn thiện Tủ sách pháp luật với nội dung tài liệu được hệ thống cần có thời gian nên trước hết có thể lựa chọn các tài liệu có nội dung hay, thiết thực để có bài giới thiệu trên Trang thông tin điện tử. Sau đó, dần dần sẽ cập nhật tất cả nội dung (bài giới thiệu tóm tắt) các tài liệu lên website. Hoạt động này có thể áp dụng chung cho cả Tủ sách pháp luật các cơ quan và ở cấp xã.

Như vậy, có biện pháp xây dựng và quản lý Tủ sách pháp luật phù hợp, chất lượng, lấy người đọc làm trung tâm, tạo mọi thuận lợi trong khâu mượn trả, thì chắc rằng Tủ sách pháp luật vẫn là mô hình không thể thiếu trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, cho dù công nghệ thông tin có sự phát triển nhanh chóng đến đâu.

N.T.Đ

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THỦY PHƯƠNG - BÔNG HOA ĐẸP TRONG PHONG TRÀO PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

NGUYỄN VIẾT CHÍNH

Trường THCS Thủy Phương (tiền thân là trường Trung học Hương Thủy) trường trung học đầu tiên của thị xã Hương Thủy. Trường được xây dựng năm 1959 và khai giảng khóa đầu tiên vào năm học 1961-1962, với 1 lớp đệ nhất (lớp 6). Bước vào năm học 2013-2014, trường có gần 1.000 học sinh, biên chế ở 27 lớp. Từ mái trường này nhiều thế hệ học sinh đã trưởng thành và hiện đang giữ các cương vị công tác chủ chốt trong các tổ chức của Đảng, nhà nước và các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp… Qua hơn 10 năm tái thành lập, tiếp nối truyền thống và tiếp tục phát triển, thầy và trò trường THCS Thủy Phương đã không ngừng phấn đấu trong dạy-học và tham gia các hoạt động đạt nhiều thành tích cao mà còn là một ngôi trường có nhiều thành tích trong công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

Trao đổi với chúng tôi, thầy giáo Lê Ngọc Thành, Hiệu trưởng Trường THCS Thủy Phương cho biết: Đối với trường chúng tôi, công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội cho học sinh là một trong những nội dung giáo dục pháp luật nhằm giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Nội dung của công tác này đã được đưa vào kế hoạch của nhà trường trong nội và ngoại khóa, chương trình công tác của các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội trong trường. Thầy hiệu

trưởng còn nhấn mạnh thêm: Trong công tác phòng và chống tội phạm, tệ nạn xã hội, chúng tôi chú trọng đến việc phòng là chính. Phòng có nghĩa là giáo dục để học sinh tránh xa tội phạm, răn đe để ngăn chặn tội phạm. Nhà trường và các nhà giáo dục vừa cương quyết đấu tranh với tội phạm và tệ nạn xã hội vừa giáo dục có lý, có tình để học sinh "tâm phục, khẩu phục" mà tự giác thực hiện phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Vì vậy, ngay từ đầu năm học, thực hiện chỉ đạo của Sở giáo dục và Đào tạo, Ban giám hiệu đã tổ chức quán triệt kế hoạch và các văn bản liên quan đến công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, trong đó đặc biệt là tệ nạn ma túy và căn bệnh HIV/AIDS đến tất cả các thành viên trong hội đồng sư phạm, học sinh và phụ huynh học sinh. Các hoạt động lớn đã được tổ chức trong nhà trường như chiến dịch "Quyết tâm xây dựng nhà trường trong sạch không có ma túy", "Hãy sống lành mạnh cho chính mình", theo tiêu chí "Hai không, một có" (*Không sử dụng ma túy, không tàng trữ, mua bán ma túy; có tổ chức tuyên truyền tác hại và cách phòng chống ma túy*). Thông qua các bài giảng trong chương trình có liên quan đến phòng, chống ma túy, các thầy, cô giáo dạy các bộ môn Ngữ văn, Giáo dục công dân, Sinh học, Địa lý đã lồng ghép phổ biến nội dung Luật Phòng chống ma túy. Cũng qua những bài học này, học sinh được phân tích để thấy người nghiện ma túy vừa là nạn nhân vừa là tội phạm. Nhà trường cũng đã tế nhị nhưng thẳng thắn lấy ví dụ ở trường hợp cách đây không lâu, lực lượng Phòng cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Thừa Thiên Huế bắt quả tang 17 đối tượng sử dụng chất ma túy tại một quán karaoke ở thành phố Huế, trong đó có 3 học sinh lớp 9 trường THCS Đặng Văn Ngữ, 5 học sinh ở các trường THPT Trần Hưng Đạo và THPT Cao Thắng (Huế), 2 sinh viên của trường Cao đẳng Công nghiệp Huế và trường Đại học Dân lập Phú Xuân để làm bài học cảnh tỉnh các em. Thông qua đó, giúp các em học sinh có biện pháp chống tội phạm, tệ nạn xã hội, hiểu được quy định của luật pháp về việc xử lý các tệ nạn xã hội. Có thể nói rằng những thông tin về pháp luật và cách phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội đã đến được từng học sinh một cách có chủ định tích cực.

Không những thế, nhà trường còn thực hiện giáo dục phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp một cách có hiệu quả. Lấy xây để chống, nhiều hoạt động bổ ích, phù hợp với học sinh đã được tổ chức. Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao hấp dẫn đối với các em và chính các em đã làm cho những hoạt động này hấp dẫn hơn. Các chương

trình giao lưu văn hóa, với nhiều câu hỏi có phần thưởng do Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh kết hợp với Đội thiếu niên tổ chức đã trở thành diễn đàn cho các em trao đổi, thể hiện nhận thức và hiểu biết về các vấn đề thời sự, xã hội như phòng chống tai nạn thương tích, môi trường, ma túy, đại dịch HIV/AIDS… Nhà trường còn mời đại diện Công an Thị xã nói chuyện về phòng, chống tai nạn thương tích, giao thông đường bộ v.v… Hoạt động giáo dục này đã có tác động rất lớn đến kết quả giáo dục toàn diện học sinh trong nhà trường. Thành công của nhà trường trong công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội là kết quả của sự triển khai đồng bộ trong việc chỉ đạo, lập kế hoạch, phối hợp, sáng tạo thực hiện đồng thời đã kết hợp với gia đình quản lý các em dưới nhiều hình thức: Định hướng cho các em vào các trang Web lành mạnh, phục vụ cho việc học tập. Hướng dẫn các em đọc các tờ báo phù hợp với lứa tuổi như: Thiếu niên tiền phong, Hoa học trò, Văn học nhà trường, Toán học tuổi trẻ; Tạo điều kiện để các em tham gia học tiếng Anh trực tuyến, thi học sinh giỏi "Tin học trẻ không chuyên"…

Có thể nói, với mô hình kết hợp chặt chẽ giữa: "Gia đình-Nhà trường-Xã hội", nhà trường đã từng bước hoạt động có hiệu quả trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, tích cực xây dựng môi trường sư phạm trong sạch, lành mạnh. Đây cũng chính là một trong những yếu tố quan trọng để tạo điều kiện cho nhà trường vươn lên thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ chính trị trọng tâm của mình là Dạy tốt và Học tốt.

Trước lúc chia tay, thầy hiệu trưởng Lê Ngọc Thành tiếp tục khẳng định: Chúng tôi luôn coi trọng việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ là một trong những tiêu chí quan trọng. Muốn vậy, trước hết mỗi một cán bộ, giáo viên, viên chức nhà trường phải thực hiện *"Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo"*, không ngừng học tập và làm theo Bác nhằm phát huy những thành quả mà trường đã đạt được, đồng thời không ngừng tự khẳng định mình và vươn lên trong phong trào đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng dạy và học. Tin rằng, trong thời gian tới, trường THCS Thủy Phương sẽ đạt được nhiều thành tích cao hơn nữa, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giữ vững danh hiệu trường đạt chuẩn quốc gia, xứng đáng với niềm tin, sự quan tâm, chăm lo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân phường Thủy Phương nói riêng và thị xã Hương Thủy nói chung.

N.V.C

NGUYỄN LOAN

Chói lọi ngày 30 tháng Tư

Nước mắt, hoa hồng, máu
thấm vào nhau
Đất nước viết nên Bài ca 30 tháng Tư
lịch sử
Dằng dặc cuộc trường chinh khói lửa
Núi cách sông ngăn
Vợ xa chồng
Con xa mẹ ba mươi năm
Nhớ thương ấp ủ
Hờn căm tuôn trào
Để có một ngày rực rỡ cờ sao
Nước non mở hội
Huế - Sài Gòn cầm tay Hà Nội
Hát vang bài "Giải phóng miền Nam"
Tổ quốc ơi!
Biết mấy tự hào
Biết mấy vinh quang
Có Đảng – Bác Hồ dẫn đường chỉ lối
30 tháng Tư – ngày vui chói lọi.

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ ĐIỀU 131 CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005 VỀ GIAO DỊCH DÂN SỰ DO NHẦM LẪN

PGS.TS. ĐOÀN ĐỨC LƯƠNG

Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Khi một bên có lỗi vô ý làm cho bên kia nhầm lẫn về nội dung của giao dịch dân sự mà xác lập giao dịch thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu bên kia thay đổi nội dung của giao dịch đó, nếu bên kia không chấp nhận thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu".

1. Một số khiếm khuyết trong Bộ luật dân sự năm 2005 về giao dịch dân sự do nhầm lẫn

Theo Bộ luật Dân sự năm 2005 chỉ được công nhận là có sự nhầm lẫn trong trường hợp như sau:

Một là, sự nhầm lẫn của một bên (vì lỗi vô ý). Trong trường hợp hai bên nhầm lẫn thì không được xem xét và không có căn cứ tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Chẳng hạn trường hợp của chị C được bố mẹ tặng cho một chiếc vòng kim cương trong ngày cưới (mua với giá 120 triệu đồng). Sau khi kết hôn, do khó khăn về tài chính C bán lại cho người bạn tên M với giá 110 triệu đồng. Khi M đi du lịch nước ngoài vào cửa hàng bán đồ trang sức và thử thì được biết chiếc vòng đó chỉ đạt 30% kim cương, giá trị thực là 30 triệu đồng. M yêu cầu C trả lại một phần tiền mua nhưng C không đồng ý. Trường hợp này, việc yêu cầu tòa án tuyên bố vô hiệu do nhầm lẫn là không có cơ sở vì hai bên (mua và bán) đều không biết giá trị đích thực của vật mua bán. Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2005 chưa dự liệu hết những khả năng có thể xảy ra trong thực tế, giao dịch dân sự do nhầm lẫn có thể bao gồm: Nhầm lẫn đơn phương là việc một bên thật sự nhầm lẫn và một bên khác biết được sự nhầm lẫn đó; nhầm lẫn đối với nhau nghĩa là khi các bên đều có sự hiểu nhầm (chẳng hạn A có chiếc xe

Ford và xe Fiat giao kèo bán cho B một chiếc, A muốn bán chiếc xe Fiat, còn B nghĩ nếu mua thì mua chiếc xe Ford); nhầm lẫn chung là khi cả hai bên của hợp đồng đều có sự nhầm lẫn. Nguyên nhân dẫn đến sự nhầm lẫn thông thường do các điều khoản của hợp đồng sơ sài hoặc đối tượng của hợp đồng liên quan đến vấn đề kỹ thuật mà các bên không hiểu hết. Như vậy, Bộ luật Dân sự năm 2005 còn có những khiếm khuyết, chưa dự liệu được hết các tình huống có thể xảy ra, vì vậy khi có tranh chấp phát sinh không có cơ sở hợp lý để giải quyết.

Hai là, quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 đề cập về nhầm lẫn vì nội dung của giao dịch. Nội dung của giao dịch gồm nhiều vấn đề khác nhau mà chưa có định nghĩa cụ thể nên khó có thể xác định khi có tranh chấp xảy ra. Nội dung của giao dịch có thể là đối tượng, giá cả, địa điểm, phương thức thanh toán,… nhưng phổ biến nhất vẫn là đối tượng của giao dịch. Theo Bộ Dân luật của Pháp sự (Điều 110): Sự nhầm lẫn chỉ là căn cứ cho hợp đồng vô hiệu khi nó là sự nhầm lẫn về bản chất của vật hoặc công việc là đối tượng của hợp đồng. Sự nhầm lẫn về chủ thể giao kết không thể là căn cứ làm cho hợp đồng vô hiệu trừ trường hợp xem xét nhân thân người đó là căn cứ chính dẫn đến việc giao kết hợp đồng. Việc nhầm lẫn về chủ thể làm cho hợp đồng vô hiệu khi hợp đồng được ký kết dựa trên nhân thân của chủ thể, nghĩa là nhân thân của chủ thể là yếu tố quan trọng cho việc giao kết hợp đồng mà thông thường là những hợp đồng không có đền bù hoặc một số hợp đồng có đền bù (hợp đồng ủy quyền có thù lao, hợp đồng sáng tác ký với nghệ sỹ,…). Chẳng hạn công ty M tổ chức sự kiện ký hợp đồng với Công ty K để MC. Phan A dẫn chương trình, trong công ty K cũng có một MC trùng tên nhưng không phải nổi tiếng. Khi biết sự việc công ty M không đồng ý, còn công ty K đòi giá cao hơn nếu chọn lại MC (chủ thể là yếu tố quyết định việc giao kết hợp đồng). Cũng theo Bộ luật Dân luật năm 1972 (Điều 1691 và Điều 1721) quy định: Hà tỳ dĩ mặc là những khiếm khuyết hư hao của vật bán hay đem cho mà bên kết ước người bán cũng như người mua không nhận ra; người bán có bổn phận đảm bảo các hà tỳ đó cho người mua. Như vậy, việc xác định nhầm lẫn phải dựa vào bản chất của giao dịch (được xác định cụ thể như tài sản, công việc, giá cả,…) là căn cứ để tuyên bố giao dịch vô hiệu khi nhầm lẫn.

Đối với trường hợp nhầm lẫn về chủ thể chỉ được xem xét là căn cứ tuyên bố vô hiệu trong một số trường hợp nhất định.

Ba là, chủ thể có quyền yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu. Như đã phân tích ở trên thì nhầm lẫn bao gồm nhiều loại khác nhau nên việc yêu cầu tòa án tuyên bố giao dịch do nhầm lẫn nếu chỉ một bên nhầm lẫn có quyền thì chưa bao quát hết. Do đó, cần bổ sung thêm các bên tham gia giao dịch có quyền yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu khi nhầm lẫn.

2. Một số ý kiến hoàn thiện Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2005 về giao dịch vô hiệu do nhầm lẫn

- Sửa đổi quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về xác định "nhầm lẫn về nội dung của giao dịch" thành "nhầm lẫn về đối tượng của giao dịch". Đây là nội dung căn bản nhất của giao dịch, sự nhầm lẫn mất đi tính chất tự nguyện gây thiệt hại cho các chủ thể tham gia. Xác định rõ những điều kiện cho phép sự nhầm lẫn về chủ thể là căn cứ để yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu trong trường hợp nhân thân của chủ thể là yếu tố quyết định dẫn đến việc giao kết hợp đồng.

- Sửa đổi quy định "khi một bên có lỗi vô ý" thành "các bên chủ thể" trong nhầm lẫn. Trên cơ sở phân tích thì nhầm lẫn bao gồm nhiều loại khác nhau nếu chỉ quy định một bên (nhầm lẫn đơn phương) thì chưa dự liệu được hết các tình huống thực tế xảy ra nên khi có tranh chấp phát sinh cơ quan có thẩm quyền không có căn cứ để giải quyết.

- Bỏ thuật ngữ "dân sự" vì các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong Bộ luật Dân sự là cơ sở pháp lý cho nhiều loại hợp đồng khác nhau (hợp đồng dân sự, hợp đồng kinh doanh,…) nên không chỉ bó hẹp trong phạm vi lĩnh vực dân sự. Trong các quy định của pháp luật sẽ cụ thể quy định này, đảm bảo sự tự nguyện của các chủ thể tham gia giao dịch.

- Về quyền yêu cầu tuyên bố vô hiệu được mở rộng cho phù hợp với chủ thể và các loại nhầm lẫn khác nhau để phù hợp với các loại nhầm lẫn khác nhau.

Từ đó, Điều 131 Bộ luật Dân sự 2005 nên sửa đổi như sau: "Khi một hoặc các bên tham gia giao dịch có lỗi để xảy ra sự nhầm lẫn về đối tượng của giao dịch mà xác lập giao dịch thì bên bị nhầm lẫn hoặc các bên có quyền thay đổi, nếu một trong các bên không chấp nhận thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu".

Đ.Đ.L

Một số vấn đề cần rút kinh nghiệm sau thanh tra các tổ chức hành nghề công chứng

Th.S NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Năm 2013, Thanh tra Sở Tư pháp phối hợp với Phòng Bổ trợ tư pháp đã tiến hành thanh tra chuyên ngành đối với tất cả 04 tổ chức hành nghề công chứng (02 Phòng công chứng và 02 Văn phòng công chứng) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả thanh tra cho thấy, các tổ chức hành nghề công chứng đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, khẳng định ngày càng rõ hơn vị trí, vai trò của mình trong đời sống xã hội, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về công chứng của công dân, tổ chức trong nền kinh tế thị trường, đảm bảo an toàn pháp lý cho các giao dịch dân sự, kinh tế của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, góp phần vào việc phòng ngừa tranh chấp, vi phạm pháp luật.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình hoạt động nghiệp vụ các Công chứng viên đã có một số hạn chế, vi phạm cần rút kinh nghiệm như sau:

1. Về lập, sử dụng sổ công chứng và đánh số hồ sơ công chứng:

Có tổ chức hành nghề công chứng lập và sử dụng cùng lúc nhiều loại sổ công chứng hợp đồng, giao dịch phân loại theo từng loại việc (hợp đồng thế chấp, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tặng cho...); không thực hiện khóa sổ và ghi tổng số các loại việc khi kết thúc năm, không thực hiện đóng dấu giáp lai giữa các trang sổ công chứng theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 11/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số nội dung về Công chứng viên, tổ chức và hoạt động công chứng, quản lý nhà nước về công chứng (Thông tư 11/2011/TT-BTP).

Nhiều hồ sơ công chứng đánh trùng số công chứng, chưa thực hiện đánh số hồ sơ công chứng theo thứ tự thời gian theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Công chứng, nguyên nhân là do lập và sử dụng

cùng lúc nhiều loại sổ công chứng hợp đồng, giao dịch theo từng loại việc.

2. Về lưu trữ và quản lý hồ sơ công chứng:

Một số hồ sơ công chứng thiếu giấy xác nhận tình trạng hôn nhân hoặc giấy tờ để chứng minh quyền sở hữu riêng, sử dụng riêng đối với tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân, thiếu biên bản họp hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, vi phạm Điều 53 và Điều 54 Luật Công chứng.

Hồ sơ pháp nhân của các tổ chức tín dụng không được cập nhật thường xuyên, nên đã xảy ra tình trạng, người đứng đầu pháp nhân đã thay đổi nhưng trong hồ sơ công chứng vẫn lưu hồ sơ của người đứng đầu pháp nhân cũ.

3. Về thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch:

- *Lời chứng của Công chứng viên:* Hầu hết các Công chứng viên thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 5 Luật Công chứng, không chứng nhận đối tượng của hợp đồng, giao dịch là có thật hoặc không ghi rõ lý do và địa điểm công chứng trong trường hợp công chứng ngoài trụ sở, vi phạm khoản 1 Điều 11 Thông tư số 11/2011/TT-BTP.

- *Sửa lỗi kỹ thuật:* Có Công chứng viên thực hiện sửa lỗi kỹ thuật không đúng quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Công chứng như còn gạch ngang và viết đè lên chỗ sửa; không thực hiện ghi chữ, dấu và con số đã được sửa vào bên lề rồi ký và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng. Không thực hiện công chứng hợp đồng sửa đổi, bổ sung khi có thay đổi ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của người tham gia hợp đồng, giao dịch mà thực hiện sửa lỗi kỹ thuật, vi phạm khoản 1 Điều 43 Luật Công chứng.

- *Sử dụng Chứng minh nhân dân quá hạn:* Một số Công chứng viên vẫn thực hiện công chứng các hợp đồng, giao dịch trong trường hợp chứng minh nhân dân của người yêu cầu công chứng đã quá hạn sử dụng theo quy định tại Mục 4 Phần I Thông tư số 04/1999/TT-BCA ngày 29/4/1999 của Bộ Công an hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân.

- *Việc ký vào từng trang của hợp đồng:* Một số Công chứng viên thực hiện ký tắt vào các trang hợp đồng giao dịch trong các hồ sơ công chứng và không đăng ký mẫu chữ ký này, vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 35 và khoản 3 Điều 36 Luật Công chứng.

- *Việc xác định người thừa kế:* Một số Công chứng viên thực hiện công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật nhưng chưa xác định đầy đủ hàng thừa kế theo quy định của pháp luật dân sự về thừa kế hoặc xác

định sai người thừa kế.

- *Niêm yết việc thừa kế:* Một số Công chứng viên thực hiện công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nhưng lại niêm yết thông báo khai nhận di sản thừa kế hoặc niêm yết thông báo trước ngày lập phiếu yêu cầu công chứng.

- *Công chứng việc nhận ủy quyền:* Có công chứng viên chưa công chứng việc nhận ủy quyền nhưng đã thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch vi phạm khoản 2 Điều 18 Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng (Nghị định số 04/2013/NĐ-CP).

- *Công chứng hợp đồng, giao dịch khi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ghi thời hạn sử dụng đất hoặc không có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất:* Có Công chứng viên thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp, chuyển nhượng mà đối tượng của hợp đồng là quyền sử dụng đất nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ghi thời hạn sử dụng đất, vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai. Một số trường hợp công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, di chúc nhưng nhà đất chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có văn tự mua bán, quyết định giao đất,...) vi phạm điểm a khoản 1 Điều 91 Luật Nhà ở năm 2005 và điểm a khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003.

4. Về thu - chi phí công chứng, thù lao công chứng:

Tại cả 02 Văn phòng công chứng: Những việc công chứng có giá trị từ 200.000 đồng trở lên, kế toán không lập hóa đơn mà gộp chung trong bảng kê hàng hóa là trái với quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

N.T.T.H

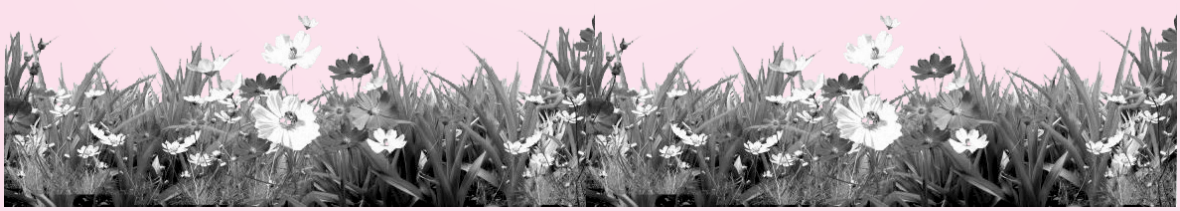

BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN THANH

Phụ nữ là một nửa nhân loại; là lực lượng lao động quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội. Trong tác phẩm "Đường Kách mệnh" được tập hợp từ những bài giảng tại các lớp huấn luyện cán bộ cách mạng Việt Nam, tổ chức ở Quảng Châu (Trung Quốc), Người viết: *Ai đã biết lịch sử thì biết rằng muốn sửa sang xã hội mà không có phụ nữ giúp vào, thì chắc không làm nổi. Xem tư tưởng và việc làm của đàn bà con gái, thì biết xã hội tiến bộ ra thế nào?* Người cũng dẫn lời của V.I.Lênin *"Đảng cách mệnh phải làm sao dạy cho đàn bà nấu ăn cũng biết làm việc nước, như thế cách mệnh mới gọi là thành công", (*Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 1995, tập 2).

Bản Luận cương năm 1930 - cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam - đã khẳng định mục tiêu đấu tranh cho nam nữ bình quyền. Cùng năm đó, Hội Phụ nữ cứu quốc (tiền thân của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam) đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập, trở thành một trong những tổ chức xã hội của phụ nữ lâu đời nhất trên thế giới.

Từ khi giành được độc lập (1945), việc bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ và giải phóng phụ nữ luôn là chính sách nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam, được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật của Nhà nước ta. Ngay trong Sắc lệnh số 14, ngày 18-9-1945 - một trong những văn bản pháp luật đầu tiên của nhà nước Việt Nam mới, đã quy định quyền bình đẳng của phụ nữ trong vấn đề bầu cử. Hiến pháp năm 1946 khẳng định nguyên tắc bình đẳng nam nữ trên tất cả các lĩnh vực khi quy định: "Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện" (Điều 9); "Mọi công dân đều bình đẳng về quyền trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa" (Điều 6) và "Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật" (Điều 7)...

Những quy định kể trên đã đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại về địa vị pháp lý của phụ nữ Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử, phụ nữ Việt Nam được pháp luật thừa nhận và bảo đảm có những quyền bình đẳng với nam giới trên tất cả các lĩnh vực. Những quy định đó cũng cho thấy tính chất tiến bộ của pháp luật Việt Nam trên lĩnh vực này, nếu so sánh với pháp luật quốc tế.

Bình đẳng nam nữ (trên tất cả các phương diện) được khẳng định ngay từ Hiến pháp năm 1946, khi

nước Việt Nam mới được thành lập. Trong khi đó, tính từ thời điểm Hiến pháp Mỹ được ban hành (1789), phải 133 năm sau (1920) phụ nữ Mỹ mới được ghi nhận có quyền bình đẳng với nam giới về bầu cử và ứng cử. Phụ nữ ở Thụy Sỹ đến năm 1971, phụ nữ ở Cô-oét mãi đến năm 1991 mới được quyền bầu cử. Đó là chưa kể một số quốc gia, cho đến thời điểm hiện nay, pháp luật vẫn chưa ghi nhận phụ nữ có các quyền bình đẳng quan trọng này...

Các Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) của nước ta đã kế thừa những nguyên tắc tiến bộ của Hiến pháp năm 1946 và liên tục bổ sung những nội dung mới nhằm bảo đảm và thúc đẩy hơn nữa vị thế, việc hưởng thụ các quyền con người của phụ nữ. Không những vậy, rất nhiều đạo luật quan trọng như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bình đẳng giới... cũng được Nhà nước ban hành và sửa đổi, bổ sung qua các thời kỳ, nhằm cụ thể hóa các nguyên tắc về bình đẳng nam nữ trong Hiến pháp.

Đặc biệt bình đẳng giới trong Hiến pháp *(sửa đổi)* 2013 cơ bản tiếp tục kế thừa các quy định của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001). Hiến pháp mới quy định các vấn đề chung, có tính nguyên tắc liên quan đến gia đình tại Điều 16 *(mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội)* và Điều 26 *(công dân nam nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội)*. Các quy định trực tiếp về hôn nhân, gia đình được Hiến định tại Điều 36: *Nam nữ có quyền kết hôn, ly hôn; Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau; Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em.* Khoản 3 Điều 60 quy định: *Nhà nước, xã hội tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc...* Bên cạnh đó, một số nội dung liên quan đến gia đình, bình đẳng giới cũng đã được Hiến định trong một số điều, khoản của các Chương II *"Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân"* và Chương III *"Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường"*.

Có thể thấy, Hiến pháp mới đã quy định sự bình đẳng nam - nữ một cách toàn diện hơn, tổng quát hơn và tiến bộ hơn. Quy định nam - nữ bình đẳng về mọi mặt trong tất cả các lĩnh vực. Đây không chỉ là bình đẳng về quyền lợi mà còn là bình đẳng về trách nhiệm, nghĩa vụ trong mọi lĩnh vực. So với Hiến pháp năm 1992, nội dung không phân biệt đối xử chuyển từ *không phân biệt đối xử với phụ nữ* đã mở rộng sang *không phân biệt đối xử về giới*. Các quy định này đã bảo đảm được các nguyên tắc của Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW).

N.V.T

Một số vấn đề về việc thành lập Văn phòng giám định tư pháp

NGUYỄN SƠN HÀ

Thời gian qua công tác giám định tư pháp đã có những chuyển biến tích cực, góp phần hỗ trợ đắc lực cho hoạt động tố tụng, giúp các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử giải quyết các vụ án chính xác, khách quan và đúng luật. Để đáp ứng nhu cầu giám định tư pháp, ngày 29 tháng 7 năm 2013 Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp, theo đó, Nghị định cho phép thành lập Văn phòng Giám định tư pháp ngoài công lập các lĩnh vực như tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả, còn các lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự do tổ chức Giám định tư pháp công lập đảm bảo trách nhiệm.

Việc cho phép thành lập Văn phòng Giám định tư pháp ngoài công lập là bước tiến mới trong tiến trình nâng cao chất lượng tố tụng, bên cạnh tổ chức giám định công lập thực hiện giám định theo trưng cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người dân cũng có thể yêu cầu giám định tư để kiểm chứng kết quả nếu có nghi vấn nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Điều này đảm bảo quyền dân chủ, minh bạch về chứng cứ trong tố tụng, tăng niềm tin của người tham gia tố tụng đối với bản án xét xử. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một nội dung giám định thì Luật Giám định tư pháp đã xác lập cơ chế giải quyết đối kháng giữa hai kết luận giám định khác nhau này đó là thành lập Hội đồng Giám định để thực hiện giám định lại lần thứ hai. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý về lĩnh vực cần giám định sẽ quyết định thành lập hội đồng, gồm có ít nhất 03 thành viên là những người có chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần giám định, thực hiện cơ chế giám định tập thể (Điều 30 Luật Giám định tư pháp).

Như chúng ta đã biết, Luật Giám định tư pháp có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, tuy nhiên đến nay ngoài những lĩnh vực về pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự thì các lĩnh vực khác chưa thành lập được tổ chức Giám định tư pháp ngoài công lập. Trong khi đó, giám định tư pháp có vai trò quan trọng trong xử lý các vụ án nhất là các vụ án kinh tế, tham nhũng nhưng thực tế cho thấy trong thời gian qua công tác giám định tư pháp là một trong những khâu làm ách tắc quá trình

xét xử, thậm chí nhiều vụ án bị xét lại khá lâu chỉ chờ kết quả giám định. Do đó, để công tác giám định tư pháp phục vụ tốt hơn trong hoạt động tố tụng, Luật Giám định tư pháp đã quy định cho phép thành lập các tổ chức Giám định tư pháp ngoài công lập. Tuy nhiên, tính đến nay cả nước mới chỉ có 1 Văn phòng Giám định tư pháp ngoài công lập được thành lập, đây là vấn đề đáng quan tâm. Vậy thực trạng trên là do những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, điều kiện thành lập Văn phòng Giám định tư pháp ngoài công lập rất chặt chẽ, Giám định viên phải có từ đủ 05 năm trở lên là giám định viên tư pháp trong lĩnh vực đề nghị thành lập Văn phòng; phải có Đề án thành lập; Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng không được thành lập Văn phòng giám định tư pháp.

Thứ hai, để thành lập được tổ chức Giám định tư pháp ngoài công lập đòi hỏi phải có trang bị, phương tiện, cơ sở vật chất hiện đại.

Thứ ba, lĩnh vực cho phép giám định tư hiện nay về tài chính, xây dựng, ngân hàng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả vẫn chưa hấp dẫn do nhu cầu giám định còn ít. Trong khi đó các lĩnh vực giám định chữ ký, giấy tờ, ADN… nhu cầu cao thì chỉ có giám định công lập mới được thành lập.

Thứ tư, việc phối hợp triển khai thi hành Luật Giám định tư pháp giữa các bộ, ngành nhiều nơi còn hạn chế, lúng túng, chưa thực hiện hết trách nhiệm của mình mặc dù Luật Giám định tư pháp đã quy định trách nhiệm cụ thể nên chủ trương cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp ngoài công lập không dễ như thành lập Văn phòng công chứng.

Để các tổ chức Giám định tư pháp ngoài công lập ngày càng phát triển, các cơ quan có thẩm quyền cần quan tâm khắc phục các tồn tại, vướng mắc trong công tác giám định tư pháp, như: Xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp đối với những lĩnh vực có nhu cầu giám định ít và không thường xuyên phục vụ tố tụng; tăng cường công tác phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về giám định tư pháp cho đội ngũ tiến hành tố tụng; nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công tác giám định tư pháp, tạo sự quan tâm mạnh mẽ của toàn xã hội đối với hoạt động giám định tư pháp; có cơ chế tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các sở, ngành chuyên môn quản lý lĩnh vực giám định tư pháp vào hoạt động giám định tư pháp để hoạt động giám định tư pháp góp phần tránh được oan sai trong quá trình tố tụng; tạo điều kiện để giám định viên tư pháp quản lý khai thác, sử dụng các thiết bị chuyên dụng của các cơ sở khoa học kỹ thuật và tổ chức chuyên môn của cơ quan, đơn vị vào hoạt động giám định tư pháp.

N.S.H

ÁP DỤNG ĐIỀU 168 BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ TRẢ LẠI ĐƠN KHỞI KIỆN VÀ HẬU QUẢ PHÁP LÝ

ĐỖ THỊ DIỆN

Thực tiễn áp dụng tại Tòa án, khi xem xét thụ lý vụ án, nếu thấy việc khởi kiện chưa đáp ứng đủ các điều kiện khởi kiện nên không thể thụ lý được vụ án thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu kèm theo cho người khởi kiện. Khi trả lại đơn khởi kiện, Tòa án phải có văn bản kèm theo ghi rõ lý do trả lại đơn khởi kiện. Trả lại đơn khởi kiện là hành vi pháp lý đơn phương của Tòa án khi đơn khởi kiện không thỏa mãn một trong các căn cứ theo quy định của pháp luật.

1. Căn cứ trả lại đơn khởi kiện trong pháp luật tố tụng dân sự

Khởi kiện vụ án dân sự là hành vi đầu tiên của cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác tham gia vào quan hệ pháp luật tố tụng dân sự, là cơ sở pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật tố tụng dân sự. Không có hoạt động khởi kiện thì cũng không có quá trình tố tụng dân sự cho các giai đoạn tiếp theo. Bằng hoạt động xét xử của mình, Tòa án góp phần bảo vệ và củng cố pháp chế xã hội chủ nghĩa đồng thời nâng cao hiệu quả xét xử, xác lập chế độ trách nhiệm cao đối với nhân dân và một môi trường pháp lý an toàn, trong đó các quyền công dân được bảo vệ và củng cố lòng tin của Nhân dân đối với chế độ.

Khi xem xét đơn khởi kiện, nếu thấy việc khởi kiện chưa đáp ứng đủ các điều kiện khởi kiện và không thể thụ lý được. Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 168 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) và thông báo bằng văn bản cho người khởi kiện biết.

- Tòa án trả lại đơn khởi kiện trong các trường hợp sau đây:

+ Người khởi kiện không có quyền khởi kiện hoặc không có đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự.

+ Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp vụ án mà Tòa án bác đơn xin ly hôn, xin thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, mức bồi thường thiệt hại, xin thay đổi người quản lý tài sản, thay đổi người quản lý di sản hoặc vụ án đòi tài sản, đòi tài sản cho thuê, cho mượn, đòi nhà, đòi quyền sử dụng đất cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ mà Tòa án chưa chấp nhận yêu cầu do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

+ Hết thời hạn được thông báo quy định tại khoản 2 Điều 171 của

BLTTDS mà người khởi kiện không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, trừ trường hợp có trở ngại khách quan hoặc bất khả kháng.

+ Chưa có đủ điều kiện khởi kiện.

+ Vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Khi trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện, Tòa án phải có văn bản ghi rõ lý do trả lại đơn khởi kiện, đồng thời gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp.

- Đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện lại trong các trường hợp sau đây:

+ Người khởi kiện có quyền khởi kiện hoặc đã đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự.

+ Xin ly hôn, xin thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, mức bồi thường thiệt hại, xin thay đổi người quản lý tài sản, thay đổi người quản lý di sản hoặc vụ án đòi tài sản, đòi tài sản cho thuê, cho mượn, đòi nhà, đòi quyền sử dụng đất cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ mà trước đó Tòa án chưa chấp nhận yêu cầu do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

+ Đã có đủ điều kiện khởi kiện.

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 168 BLTTDS thời hiệu khởi kiện được bỏ, điều này phù hợp với điều kiện thực tiễn cuộc sống. Một khi hết thời hiệu thì quyền khởi kiện của đương sự coi như chấm dứt. Vì vậy, việc bỏ thời hiệu khởi kiện, hoặc hướng dẫn cho đương sự có quyền khởi kiện trong trường hợp hết thời hiệu là điều rất cần thiết.

Đồng thời thông báo trả lại đơn khởi kiện được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Việc Viện kiểm sát tham gia vào giai đoạn xem xét đơn khởi kiện, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Điều này cho phép đương sự không chỉ có quyền khiếu nại, mà đương sự có quyền kháng cáo lên Viện kiểm sát. Quy định các trường hợp đương sự được quyền khởi kiện lại, trao thêm thẩm quyền cho Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn căn cứ trả lại đơn khởi kiện.

2. Hậu quả pháp lý về trả lại đơn khởi kiện trong tố tụng dân sự

- Đối với cơ quan tiến hành tố tụng

Thứ nhất, chấm dứt việc xử lý đơn, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Theo khoản 2 Điều 192 BLTTDS quy định: "Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, xóa tên vụ án đó trong sổ thụ lý và trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu vụ án thuộc trường hợp trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 168 của BLTTDS".

Việc áp dụng khoản 2 Điều 192 BLTTDS để đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự khi có những căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 192 BLTTDS trùng với các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 168 BLTTDS. Còn các căn cứ khác quy định tại khoản 1 Điều 168 BLTTDS nhưng không trùng với các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 192 BLTTDS thì Tòa án trả

lại đơn khởi kiện cho đương sự, không phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. *Ví dụ:* Nếu Tòa án ra thông báo trả lại đơn khởi kiện với lý do "Chưa đủ điều kiện khởi kiện" theo điểm đ khoản 1 Điều 168 BLTTDS , và không thuộc căn cứ nào quy định tại khoản 1 Điều 192 BLTTDS. Trường hợp này Tòa án chỉ ra thông báo trả lại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự và xóa sổ thụ lý. Điều này đồng nghĩa với việc quyền khởi kiện lại của các đương sự không bị hạn chế theo Điều 193 BLTTDS.

Các căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại khoản 2 Điều 192 BLTTDS là những căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 168 BLTTDS, đây là những sự kiện phát sinh trước khi đương sự nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Trong trường hợp này theo quy định của Điều 168 BLTTDS Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện cho đương sự song do nhiều nguyên nhân khác nhau Tòa án có thể không phát hiện ra ngay khi nhận đơn khởi kiện của đương sự. Thực tế có nhiều vụ án sau khi thụ lý, Tòa án thu thập chứng cứ mới phát hiện thời hiệu khởi kiện đã hết, nguyên đơn không có quyền khởi kiện v.v... Khoản 2 Điều 192 BLTTDS là nhằm khắc phục tình trạng này. Tuy nhiên cần hiểu các căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án ở khoản 1 Điều 192 BLTTDS là để Tòa án chấm dứt giải quyết vụ án, còn các căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án ở khoản 2 Điều 192 BLTTDS là để Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho đương sự, vụ án chưa được giải quyết, do đó trong những trường hợp đương sự khắc phục được tất cả các yêu cầu của pháp luật đề ra, thì đương sự vẫn có quyền khởi kiện lại.

Thực tế, những căn cứ để đình chỉ giải quyết vụ án ở khoản 2 Điều 192 BLTTDS chỉ có ba căn cứ quy định tại điểm b, d, đ khoản 1 Điều 168 BLTTDS là đương sự có thể khắc phục được những yêu cầu do luật quy định trước khi khởi kiện, để khởi kiện lại. Hơn nữa, sau khi Tòa án đình chỉ trả lại đơn, đương sự đi kiện lại tuy vẫn cùng nguyên đơn, bị đơn và quan hệ tranh chấp nhưng có tình tiết mới khác với lần khởi kiện ban đầu ở chỗ người khởi kiện đã có quyền khởi kiện hoặc đã có đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự hoặc đã nộp tiền tạm ứng án phí hoặc đã có đủ điều kiện khởi kiện.

Thứ hai, theo Điều 168 BLTTDS Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho đương sự, không phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, Tòa án phải có văn bản kèm theo ghi rõ lý do trả lại đơn khởi kiện. Đồng nghĩa với việc phát sinh một quan hệ pháp luật mới cần giải quyết trong trường hợp có khiếu nại việc trả lại đơn khởi kiện của đương sự. Như vậy, Tòa án vừa phải giải quyết đơn khiếu nại, giải thích lý do trả lại đơn khởi kiện, hướng dẫn cho người khởi kiện làm lại đơn khởi kiện, giải thích quyền lợi và nghĩa vụ của người đi khởi kiện để họ thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Thứ ba, trả lại đơn khởi kiện không đồng nghĩa với việc khởi kiện của đương sự bị chấm dứt, đương sự thực hiện quyền khởi kiện lại. Chiếm nhiều thời gian, công sức của người khởi

kiện cũng như Tòa án trong việc xem xét, giải quyết đơn khởi kiện. Làm gia tăng những công việc không cần thiết cho Tòa án, Thẩm phán được phân công giải quyết việc trả lại đơn khởi kiện sẽ bị khiếu nại lên Chánh án quyết định trả lại đơn khởi kiện của mình. Như vậy, sẽ làm phức tạp vụ, việc được khởi kiện hơn, Tòa án sẽ không nhanh chóng xét xử, bảo vệ kịp thời quyền lợi cho đương sự.

- Đối với người khởi kiện

Một là, Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho đương sự, làm hạn chế và làm giảm lòng tin của công dân vào cơ quan Nhà nước. Bởi đa số người dân chưa hiểu biết pháp luật, họ sẽ cho rằng cơ quan Nhà nước (Tòa án) không muốn giải quyết đơn của mình, dẫn đến tâm lý không muốn gửi đơn khởi kiện tới Tòa án vì sợ có gửi cũng bị trả lại.

Hai là, pháp luật quy định quyền khiếu nại quyết định trả lại đơn khởi kiện lên Chánh án trong thời hạn ba ngày làm việc *(Điều 170 BLTTDS*). Thời hạn này là ngắn, cần được quy định là năm ngày. Bởi lẽ, không phải người khởi kiện nào cũng hiểu biết pháp luật, nếu hết thời hạn khiếu nại, mà họ chưa kịp khiếu nại lên Chánh án phải chăng quyền khởi kiện lại của họ cũng bị xâm phạm.

Đương sự gửi đơn khởi kiện, bị Tòa án ra thông báo trả lại đơn khởi kiện, hướng dẫn họ thực hiện các thủ tục tiếp theo. Như vậy, đơn khởi kiện của đương sự vẫn chưa được giải quyết, lợi ích của họ cứ nằm tại Tòa án. Trong khi đó, đã gửi đơn khởi kiện tới Tòa án là với mong muốn đơn của mình sẽ được giải quyết, vụ kiện của mình sẽ được xét xử nhanh chóng.

Ba là, Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho đương sự, không chỉ tốn nhiều thời gian, công sức của Tòa án. Bên cạnh đó, cũng tiêu tốn rất nhiều thời gian, công việc, kinh tế của người khởi kiện, làm giảm lòng tin vào cơ quan Nhà nước.

Như vậy, về mặt pháp lý Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho đương sự làm hạn chế quyền khởi kiện của đương sự, nhưng đồng thời bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Về mặt thực tiễn đòi hỏi đương sự phải ý thức được trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của mình khi gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Việc Tòa án vận dụng căn cứ trả lại đơn khởi kiện cũng có phần không phản ánh đúng thực tiễn quan hệ pháp luật tố tụng dân sự và không công bằng đối với chủ thể có quyền, lợi ích bị xâm phạm. Trên thực tế, vì nhiều lý do khách quan, chủ quan mà người khởi kiện họ không biết hoặc không thể biết các căn cứ về trả lại đơn khởi kiện của pháp luật như: Không biết mình không có quyền khởi kiện hoặc chưa đủ điều kiện khởi kiện, vụ án đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án... cho nên, vấn đề đặt ra là Tòa án phải biết cách áp dụng chính xác, linh hoạt căn cứ trả lại đơn khởi kiện giữa pháp luật thực định và thực tiễn cuộc sống để quyền và lợi ích của người khởi kiện được bảo vệ triệt để. Bảo đảm tính áp dụng pháp luật tố tụng được thống nhất tại Tòa án.

Đ.T.D

KỶ NIỆM 83 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH 26-3

Tuổi trẻ là tương lai của đất nước

NGUYỄN VĂN THANH

Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng lớn của dân tộc và thời đại. Một trong những di sản tinh thần vô giá mà người để lại cho chúng ta là những tư tưởng chiến lược về giáo dục, đào tạo, tổ chức và phát huy vai trò to lớn của thanh niên. Ngay từ khi bắt đầu truyền bá tư tưởng cách mạng cho dân tộc, Bác đã chọn thanh niên là đối tượng đầu tiên – lực lượng trẻ đầy lòng yêu nước và sẵn sàng hy sinh cho cách mạng. Tháng 6.1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc đã thành lập "Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội", xuất bản tờ báo Thanh Niên. Năm 1926-1927, Bác trực tiếp mở nhiều lớp huấn luyện, đào tạo hơn 200 thanh niên Việt Nam yêu nước, rồi đưa trở về nước xây dựng phát triển phong trào cách mạng. Bác đã lựa chọn giới thiệu nhiều thanh niên ưu tú đến học tại Trường Đại học Phương Đông, trong số đó nhiều người sau này đã trở thành những cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta.

Kế thừa những di sản tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, Hồ Chí Minh đã phát triển sáng tạo các luận điểm mác-xít về vai trò thanh niên, phong trào thanh niên và xây dựng Đoàn Thanh niên cộng sản ở Việt Nam. Gắn thanh niên với vận mệnh của dân tộc, Hồ Chí Minh, trong nhiều bài nói và viết của mình đã luận giải một cách thuyết phục rằng: "Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên". Và, Người đã gửi gắm niềm tin yêu ấy vào thế hệ trẻ của đất nước: "Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai các cường quốc năm châu được hay không chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em".

Trên cơ sở nhìn nhận đánh giá một cách toàn diện vai trò, vị trí và khả năng cách mạng của Thanh niên, Hồ Chí Minh đã nêu lên tư tưởng chiến lược về "Trồng Người" về đào tạo bồi dưỡng thanh niên thành lớp có đức, có tài, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng. Người khẳng định: "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết".

Cách mạng tháng Tám thành công mở ra trang sử mới cho cả dân tộc. Tin yêu và tràn đầy hi vọng ở tuổi trẻ nước nhà, tháng 1 năm 1946, trong thư gửi thanh niên và nhi đồng toàn quốc nhân dịp tết sắp đến, Bác Hồ kính yêu đã viết: "Một năm khởi đầu từ mùa xuân, một đời người khởi đầu từ tuổi trẻ, tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội". Thật

vậy, tuổi trẻ là tuổi đẹp nhất của đời người, là tuổi của hành động, tuổi thực hiện ước mơ, hoài bão, là tuổi dám quên mình vì sự nghiệp tương lai, vì tất cả những gì để hướng tới điều tốt đẹp nhất, tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội. Người đặc biệt chú trọng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đào tạo giáo dục thế hệ trẻ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng ta thường xuyên coi trọng và quan tâm giáo dục dìu dắt thế hệ trẻ Việt Nam, trực tiếp tổ chức công tác đào tạo, rèn luyện, đồng thời tự mình nêu gương sáng về mọi mặt để thế hệ trẻ học tập và noi theo. Người đòi hỏi thanh niên phải ra sức học tập chính trị, kỹ thuật, văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ… Người căn dặn: "Ngoài cách học ở trường, ở lớp, học trên sách, báo…có một cách học rất tốt ai cũng có thể tham gia hàng ngày. Đó là cách học tập ngay trong sản xuất, học tập những người, những tổ, những đơn vị tiên tiến". Có thể nói trường học là nơi thuận lợi nhất để giáo dục thanh niên trên mọi phương diện. Nhà trường là nơi tuổi trẻ tiếp thu những tri thức, những kinh nghiệm để chuẩn bị bước vào đời. Nhà trường là môi trường để tuổi trẻ trau dồi đạo đức, ý chí, luyện rèn những phẩm chất cần thiết cho một tương lai tươi sáng. Trong tác phẩm "Đời sống mới", Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh vai trò của nhà trường trong chế độ mới: "Cốt nhất là phải dạy học trò biết yêu nước, thương nòi, phải dạy cho họ ý chí tự lập tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ".

Thấm nhuần và thực hiện những tư tưởng đúng đắn, sâu sắc của Người, nhiều thế hệ cách mạng đã nhanh chóng trưởng thành, đóng góp công lao to lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vai trò của thế hệ trẻ càng được Đảng và Nhà nước đặc biệt coi trọng. Đảng ta khẳng định: "Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không là tùy thuộc vào lực lượng thanh niên". Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (khóa X) khẳng định: "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa", trong đó nhấn mạnh: Tiếp tục xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam giàu lòng yêu nước; tự cường dân tộc; kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật, sống có văn hóa vì cộng đồng…, phấn đấu cho mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Hiến pháp sửa đổi năm 2013, khi nói về thanh niên, đã xác định: "Thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân". Tất cả những nội dung này có giá trị sâu sắc đối với sự phát triển của thanh niên, tạo nên những giá trị cốt lõi trong nhân cách thanh niên Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

N.V.T

VẤN ĐỀ AN NINH ĐÔ THỊ
MỘT VÀI SUY NGHĨ

TRÂM ANH

Năm 2013, Thừa Thiên Huế đã thực hiện chủ đề "Năm đô thị". Theo đó, công tác chỉ đạo điều hành chương trình trọng điểm chỉnh trang đô thị và xây dựng nếp sống văn minh đô thị được triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt cả phần thể chế và đầu tư chỉnh trang đô thị. Năm 2014, Thừa Thiên Huế tiếp tục thực hiện "Năm đô thị", với việc ưu tiên các nguồn lực để chỉnh trang dọc Quốc lộ 1A và đô thị gắn với xây dựng nếp sống văn minh đô thị; duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý gắn với bảo vệ môi trường và bảo đảm anh sinh xã hội; phát triển các lĩnh vực văn hóa, du lịch, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và hết sức chú trọng tới vấn đề giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội làm nền tảng vững chắc để xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Để hoàn thành mục tiêu chính trị đặc biệt đó, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian qua đã tập trung nguồn lực cho các dự án chỉnh trang đô thị, như: Hoàn thành chỉnh trang bến xe Nguyễn Hoàng, nâng cấp đường Đội Cung, cầu Ga; triển khai chỉnh trang, mở rộng đường Điện Biên Phủ, Đống Đa, Cao Bá Quát, đường nối Phạm Văn Đồng đến đường Thủy Dương - Thuận An; hoàn thiện công tác chỉnh trang tại các đô thị vệ tinh… Bên cạnh đó, tỉnh đã hỗ trợ triển khai các dự án lớn trên địa bàn, như: Dự án Khu du lịch Laguna, Nhà máy chế biến thủy sản CP, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Quốc tế, Dự án sửa chữa, nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Phú Bài vượt tiến độ 2 tháng; Dự án đường tránh phía Tây Thành phố Huế... Đặc biệt, tỉnh đã thực hiện một số cơ chế đặc biệt để thực hiện giải phóng mặt bằng phục vụ Dự án mở rộng đường Quốc lộ 1A từ giáp Quảng Trị đến La Sơn, Dự án 2 hầm đường bộ Phú Gia - Phước Tượng; kịp

thời giải quyết các vướng mắc liên quan đến các dự án lớn, như: Xi măng Đồng Lâm, Nâng cấp đường Quốc lộ 49A, 49B, hồ Tả Trạch, Hồ Thủy Yên - Thủy Cam, đường cao tốc La Sơn - Túy Loan...

Tuy nhiên, nếu nghèo đói thường đi kèm với bất ổn, thì phát triển kinh tế-xã hội quá nóng cũng có thể kéo theo tình trạng tội phạm gia tăng, thậm chí nuôi dưỡng tội phạm. Bởi vậy, an ninh đô thị là một trong những vấn đề cấp thiết trong quá trình đô thị hóa hiện nay. Tại thành phố Huế, các khu chung cư, khu đô thị mới được phát triển nhưng nhiều nơi vẫn chưa thành lập khối dân cư. Vì vậy, công tác kiểm tra, quản lý lưu trú, đấu tranh phòng chống các đối tượng tội phạm kinh tế, tội phạm hình sự và tội phạm ma túy nhằm đảm bảo an ninh trật tự ở các khu chung cư, các khu đô thị mới vẫn còn những khó khăn bất cập. Tại các khu đô thị mới, các hộ dân nhập cư từ nhiều nơi về sinh sống nên vấn đề đăng ký tạm trú, thường trú đang còn khó khăn trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội. Số người tạm trú, tạm vắng thay đổi thường xuyên. Nhiều hộ làm nhà ở đã vài năm nay nhưng vẫn chưa đăng ký hộ khẩu thường trú. Với quy định số lượng hộ dân phải đảm bảo trên 200 hộ thì mới thành lập được khối dân cư nên đây là vấn đề rất khó khăn cho chính quyền địa phương trong việc quản lý nhân khẩu và thực hiện nghĩa vụ thuế, quỹ phí đối với nhà nước. Do sự quản lý chưa đồng bộ nên người ra vào các khu chung cư, khu đô thị mới một cách tự do đang mang theo những tiềm ẩn của tệ nạn xã hội như chơi cờ bạc, trộm cắp vặt. Một số khu đô thị đang trong thời kỳ đầu tư xây dựng đã bị các đối tượng phạm pháp trà trộn để trộm cắp vật tư công trình và thiết bị máy móc của các đơn vị thi công. Hạ tầng kỹ thuật đô thị chưa đáp ứng được nhu cầu; nhiều tuyến đường, tuyến phố không đảm bảo vệ sinh môi trường, tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường để kinh doanh buôn bán, trông giữ xe không phép, trái phép diễn ra hầu như trên tất cả các tuyến đường, tuyến phố… Về trật tự an toàn giao thông, nhiều nơi đường chưa thông, hè chưa thoáng; tổ chức giao thông ở một số tuyến đường, tuyến phố, nút giao thông còn thiếu hợp lý, chưa khoa học; lòng đường, vỉa hè bị lấn chiếm, xuống cấp, hư hỏng, sụt lún cũng gây ảnh hưởng đến bộ mặt đô thị và tổ chức giao thông ý

thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân chưa cao, nhất là trong lĩnh vực giao thông đường bộ, ứng xử thiếu văn hóa nơi công cộng; chấp hành các quy định về nếp sống văn hóa, văn minh…

Từ thực trạng trên, trong thời gian tới, các cơ quan chức năng cần phối hợp đồng bộ thực hiện một số giải pháp trước, như:

- Tăng cường giáo dục nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới đối với cư dân đô thị

- Quản lý tốt hơn đối với dân nhập cư, đảm bảo cho việc xây dựng xã hội đô thị ổn định, bền vững.

- Tăng cường nâng cao nhận thức cho cộng đồng về tầm quan trọng của vấn đề an ninh đô thị.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

- Lập lại trật tự ở những nơi công cộng, nhất là khu vực chợ dân sinh, nhà ga, bến xe, công viên, vườn hoa. Các trường học và các cơ sở giáo dục tăng cường công tác bảo vệ an ninh trật tự học đường.

- Công khai các thông tin, số liệu liên quan đến tình hình vi phạm pháp luật trên các phương tiện truyền thông để nâng cao ý thức của người dân.

- Khen thưởng kịp thời cho các cá nhân, tập thể có thành tích trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự; nhân rộng các mô hình hay hiệu quả. Điển hình như mô hình tự quản về an ninh trật tự đô thị của phường Phú Hội, thành phố Huế với những cách làm hay như thành lập tổ tự quản tại chỗ để giữ gìn và bảo đảm trật tự ở những "điểm nóng". Tổ tự quản được tập huấn kiến thức pháp luật và phổ biến pháp luật để cùng kết hợp với cảnh sát khu vực tăng cường công tác giữ gìn an ninh trật tự địa bàn, thường xuyên kiểm tra những tuyến đường "nóng", nơi mà các con nghiện thường tụ tập chích hút vào ban đêm. Đặc biệt, giám sát chặt chẽ các điểm kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ… không để xảy ra những vụ việc đột xuất, bất ngờ; kịp thời hóa giải những mâu thuẫn của người dân tại các khu dân cư từ khi mới manh nha; động viên người dân hăng hái tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc v.v…

Một đô thị phát triển bền vững không thể tách rời các biện pháp nhằm đảm bảo an ninh, trật tự và ổn định xã hội. Xây dựng thành phố Huế theo hướng phát triển đô thị bền vững phải có trật tự, kỷ cương xã hội và tinh thần thượng tôn pháp luật là mục tiêu hướng đến của "Năm đô thị 2014".

T.A

TIN TỨC

HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN TRIỂN KHAI HIẾN PHÁP NĂM 2013 TẠI ĐIỂM CẦU THỪA THIÊN HUẾ

Ngày 05 tháng 4 năm 2014, Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội nghị trực tuyến tại điểm cầu Hà Nội và 62 điểm cầu ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giới thiệu, phổ biến về nội dung, ý nghĩa, điểm mới của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013. Hội nghị do đồng chí Nguyễn Xuân Phúc - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ chủ trì.

Tại điểm cầu tỉnh Thừa Thiên Huế, đồng chí Lê Trường Lưu – Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đồng chí Phan Công Tuyên - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì với sự tham dự đầy đủ của 100 đại biểu là đại diện lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh và Báo cáo viên của Đảng cấp tỉnh đã tham dự Hội nghị.

Qua giới thiệu của Phó Giáo sư, Tiến sĩ Đinh Xuân Thảo, Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp và Phó Giáo sư, Tiến sĩ Hoàng Thế Liên, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Hội nghị đã theo dõi và tiếp thu một cách đầy đủ tinh thần, nội dung của bản Hiến pháp năm 2013; những quy định mới so với Hiến pháp năm 1992 và ý nghĩ của các điều luật.

Hiến pháp năm 2013 có 11 chương, 120 điều, giảm 1 chương và 27 điều so với Hiến pháp năm 1992. Hiến pháp năm 2013 có nhiều điểm mới cả về nội dung và kỹ thuật lập hiến, thể hiện sâu sắc công cuộc đổi mới đồng bộ, toàn diện đất nước; thể hiện rõ và đầy đủ hơn bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước và chế độ ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; quy định rõ ràng, đúng đắn, đầy đủ và khái quát hơn về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường, bảo vệ Tổ quốc, tổ chức bộ máy nhà nước, hiệu lực và quy trình sửa đổi Hiến pháp.

Sau khi Hội nghị trực tuyến toàn quốc kết thúc, đồng chí Lê Trường Lưu – Ủy viên Thường vụ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các đồng chí Lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, địa phương sớm có kế hoạch cụ thể để tổ chức Hội nghị quán triệt, tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân thuộc phạm vi quản lý; các đồng chí Báo cáo viên, trên tinh thần nội dung của Hiến pháp 2013 được giới thiệu tại Hội nghị và các tài liệu nghiên cứu, tham khảo, cần sáng tạo, đổi mới để có cách thức tuyên truyền Hiến pháp phù hợp, dễ dàng tiệm cận được với đa số người dân, giúp nhân dân nắm được những nội dung cơ bản cốt lõi nhất của bản Hiến pháp mới, góp phần thực hiện và bảo vệ thành công Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) trước ngày 10 tháng 5 năm 2014 để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

Nguyễn Thị Đào

KHỐI NỘI CHÍNH 1 TỔ CHỨC HỘI NGHỊ PHÁT ĐỘNG VÀ KÝ KẾT GIAO ƯỚC THI ĐUA NĂM 2014

Ngày 07 tháng 4 năm 2014, các cơ quan thuộc Khối Nội chính 1 tỉnh Thừa Thiên Huế gồm: Sở Tư pháp, Thanh tra, Công an, Bộ Chỉ huy Quân sự và Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh đã tổ chức ký kết giao ước thi đua năm 2014 với chủ đề "Khối thi đua Nội chính 1 đoàn kết, kỷ cương, gương mẫu, ra sức thi đua hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chính trị được giao". Tham dự và chỉ đạo Hội nghị có bà Phan Thị Hồng Loan - Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Thi đua khen thưởng tỉnh; chủ trì Hội nghị có ông Dương Quang Tương - Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Khối và ông Hoàng Thế Hy - Phó Giám đốc Công an tỉnh, Phó Trưởng Khối thi đua Nội chính 1.

Tại Hội nghị sau khi nghe các dự thảo nội dung giao ước thi đua; kế hoạch hoạt động và Bảng chấm điểm các tiêu chí công tác thi đua khen thưởng năm 2014 của Khối thi đua Nội chính 1, các đại biểu đã thảo luận thống nhất thông qua các dự thảo và thực hiện việc ký kết giao ước thi đua với quyết tâm phát huy truyền thống thi đua yêu nước, tranh thủ thời cơ, bám sát các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh, làm nền tảng, động lực thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, chào mừng những ngày kỷ niệm của đất nước, của tỉnh năm 2014, góp phần xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị. (năm 2014 cả 5 đơn vị Khối thi đua Nội chính 1 đều đăng ký Cờ thi đua của UBND tỉnh).

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, bà Phan Thị Hồng Loan - Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Thi đua khen thưởng tỉnh đánh giá cao nội dung các dự thảo nội dung giao ước thi đua, kế hoạch hoạt động của Khối và nhấn mạnh: Trên cơ sở danh hiệu thi đua đã đăng ký, mỗi đơn vị cần cụ thể hóa, giao chỉ tiêu thi đua cho từng đơn vị, cá nhân cụ thể, tăng cường đổi mới nội dung, hình thức thi đua và phương thức thực hiện phong trào thi đua đạt hiệu quả, thiết thực; tiếp tục quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo những quan điểm tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước, gắn với việc "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", coi thi đua là động lực thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ được giao và đề nghị các đơn vị trong năm 2014 tổ chức sớm việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, tổ chức Hội nghị tuyên dương điển hình tiên tiến theo Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 25/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh và hoạt động của các Khối thi đua năm 2014. Kết luận Hội nghị, ông Dương Quang Tương - Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Khối thi đua Nội chính 1 tiếp thu các ý kiến tham gia của các đại biểu và phát biểu chỉ đạo của Ban Thi đua khen thưởng tỉnh. Với tư cách là Trưởng, phó Khối Khối thi đua Nội chính 1 năm 2014, Sở Tư pháp, Công an tỉnh sẽ hoàn chỉnh các dự thảo và ban hành sớm các văn bản về công tác

thi đua của Khối theo thời gian chỉ đạo của Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh; thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua của Khối,…đảm bảo thời gian chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, của Ban Thi đua khen thưởng-Sở Nội vụ.

Thiên An

TỌA ĐÀM KỶ NIỆM NGÀY THÀNH LẬP ĐOÀN VÀ GẶP MẶT CÁN BỘ ĐOÀN SỞ TƯ PHÁP QUA CÁC THỜI KỲ

Ngày 20 tháng 3 năm 2014, Chi đoàn Sở Tư pháp tổ chức Tọa đàm kỷ niệm 83 năm ngày thành lập Đoàn và gặp mặt cán bộ đoàn qua các thời kỳ, dự Tọa đàm có đồng chí Nguyễn Văn Niêm – Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Sở Tư pháp, đồng chí Lê Hoàng Tùng - Ủy viên Thường vụ tỉnh đoàn, Bí thư Đoàn Khối các cơ quan tỉnh, các anh, chị là cán bộ đoàn Sở Tư pháp qua các thời kỳ và 40 bạn đoàn viên đang sinh hoạt tại Chi đoàn.

Đọc diễn văn tọa đàm, đồng chí Nguyễn Văn Hưng – Bí thư Chi đoàn đã ôn lại chặng đường 83 năm lịch sử vẻ vang của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; 39 năm ngày giải phóng quê hương Thừa Thiên Huế và 15 năm xây dựng, trưởng thành, phát triển của Chi đoàn Sở Tư pháp. Diễn văn đã nêu bật vai trò của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc và trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc phát triển đất nước. Đối với Chi đoàn Sở Tư pháp, 15 năm là khoảng thời gian không dài nhưng đã chứng tỏ được bản lĩnh, vai trò của mình, qua đó góp phần phát triển Ngành Tư pháp và xây dựng quê hương.

Phát biểu tại buổi tọa đàm, đồng chí Nguyễn Văn Niêm – Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy Sở đã trò chuyện thân mật với các đoàn viên trẻ, giới thiệu các tấm gương của các cựu đoàn viên Chi đoàn đã trưởng thành, phát triển qua phong trào Đoàn. Từ đó nâng cao nhận thức về lập trường tư tưởng, đạo đức lối sống tạo niềm tin trong công tác cho thế hệ công chức, viên chức.

Tiếp đó, đồng chí Lê Hoàng Tùng – Ủy viên Thường vụ Tỉnh đoàn, Bí thư Đoàn khối các cơ quan tỉnh đã đánh giá cao công tác đoàn của Sở Tư pháp trong thời gian qua, cũng như biểu dương những thành tích mà cán bộ Đoàn, Chi đoàn đã đạt được trong hoạt động Đoàn, công tác chuyên môn và học tập, làm theo tấm gương đạo đức của Bác trong phong trào của Đoàn, công tác chuyên môn.

Tại buổi tọa đàm, các đồng chí nguyên là cán bộ Đoàn thuộc Sở đã nhiệt tình trao đổi kinh nghiệm về công tác chuyên môn, công tác đoàn nhằm hỗ trợ cho đoàn viên – công chức, viên chức trẻ tiếp cận có hiệu quả với công việc được giao, cũng như nâng cao vai trò trách nhiệm của đoàn viên nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị và hoạt động của các đoàn thể tại cơ quan Sở Tư pháp.

Buổi tọa đàm là cơ hội học tập, giao lưu của đoàn viên qua các thế hệ. Qua đó, góp phần nâng cao ý chí, niềm tin, quyết tâm hành động của các đoàn viên thanh niên trong việc nỗ lực học tập, khẳng định bản thân, đóng góp công sức vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành Tư pháp và của quê hương, đất nước.

Trần Thị Tuyết